

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐẤT ĐỎ  
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **03/2021/HNGĐ - ST**

Ngày: 04-02-2021

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Mỹ Dung

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Văn Trọng

2. Ông Nguyễn Văn Hà

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trương Thị Hoàn – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đất Đỏ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Khuê - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đất Đỏ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 295/2020/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Hữu P, sinh năm 1981; Địa chỉ: khu phố Hải Sơn, thị trấn P Hải, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thúy L, sinh năm 1982; Địa chỉ: khu phố H, thị trấn P Hải, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 21/9/2020, bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn ông Nguyễn Hữu P trình bày:*

Ông và bà Nguyễn Thúy L tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2005, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn P Hải, huyện Đất Đỏ. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, có tổ chức hỏi, cưới theo phong tục địa phương. Sau khi cưới, ông bà chung sống tại nhà ông P, đến năm 2006 thì chuyển sang sống nhà bà L.

Thời gian đầu, ông bà chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2009 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm về mọi mặt trong cuộc sống, thường xuyên gây gổ, cãi vã nhau, tình cảm vợ chồng từ đó rạn nứt,

không ai quan tâm đến ai. Ông bà mâu thuẫn với cả gia đình hai bên nên sau đợt cãi nhau lớn với nhau thì ông P đã bỏ đi khỏi nhà vợ về nhà ông sinh sống từ đó đến nay. Từ thời điểm sống ly thân hai bên không gặp nhau để hàn gắn tình cảm. Nhận thấy giữa ông và bà L mạnh ai lấy sống, không còn tình cảm với nhau nữa, nên ông đề nghị giải quyết cho được ly hôn với bà L.

Về con chung: Ông và bà L có 01 con chung tên Nguyễn Hữu V, sinh ngày 09/11/2009, hiện đang sống cùng bà L. Ông yêu cầu giao cháu V cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Theo Biên bản lấy lời khai, đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn bà Nguyễn Thúy L trình bày:*

Bà thống nhất với ông P về thời gian, điều kiện kết hôn cũng như quá trình chung sống. Bà và ông P đã có mâu thuẫn và đã ly thân từ năm 2009 đến nay Hiện tình cảm không còn, mâu thuẫn trầm trọng, không ai có ý định hàn gắn để trở về chung sống với nhau nên bà đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông P.

Về con chung: Bà và ông P có 01 con chung tên Nguyễn Hữu V, sinh ngày 09/11/2009, hiện đang sống cùng bà L. Bà đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng cháu Lộc, không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa: Quá trình tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi khai mạc phiên tòa, Thẩm phán đã tiến hành đúng các quy định về thủ tục tố tụng được quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại chương XIV Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Những người tham gia tố tụng: nguyên đơn, bị đơn đã có lời khai tại Tòa án, đã được triệu tập hợp lệ nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị vẫn tiến hành xét xử vụ án theo luật định.

Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu của ông Nguyễn Hữu P xin ly hôn với bà Nguyễn Thúy L là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, ông P được ly hôn với bà L; Về con chung: Bà L yêu cầu được nuôi dưỡng con chung là phù hợp nên đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung cho bà L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Về án phí: Ông P phải chịu án phí theo qui định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Nguyễn Hữu P yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thúy L, bị đơn đang cư trú tại huyện Đất Đỏ, thẩm

quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Hữu P và bà Nguyễn Thúy L tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 159, ngày 08/8/2005 của Ủy ban nhân dân thị trấn P Hải, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời trình bày của ông P, bà L thì trong quá trình chung sống, giữa vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã do bất đồng quan điểm, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, không quan tâm đến nhau, đều có yêu cầu ly hôn vì vậy mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể duy trì cuộc hôn nhân này được nữa.

Quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã tiến hành thông báo hòa giải cũng như triệu tập ông P, bà L đến tham gia phiên tòa nhưng cả hai đều vắng mặt, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn đã chứng minh cả ông, bà không còn quan tâm đến hạnh phúc gia đình, tình trạng mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông P.

[2.2] Về con chung: Ông P, bà L có 01 con chung là Nguyễn Hữu V sinh ngày 09/11/2009 đang do bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy nên chấp nhận yêu cầu của bà L được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến tuổi trưởng thành cũng phù hợp với nguyện vọng của con và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà L không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.5] Về án phí: Ông P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35; điểm a, b khoản 1 Điều 238, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

**Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Hữu P được ly hôn với bà Nguyễn Thúy L.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Hữu V, sinh ngày 09/11/2009 cho bà Nguyễn Thúy L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn đến khi trưởng thành (18 tuổi). Ghi nhận sự tự nguyện của bà L không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, ông P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Hữu P phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số TU/2020/0000964 ngày 15/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ. Ông P đã nộp xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản sao bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết, đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Đất Đỏ;
- Chi cục THA DS huyện Đất Đỏ;
- UBND thị trấn P Hải;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

**TRẦN THỊ MỸ DUNG**